

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 1

Bài 1: Đặt câu với mỗi từ đồng nghĩa sau:

- a) Ăn, xoi; b) Biếu, tặng. c) Chết, mất.

Bài 2: Điền từ đồng nghĩa thích hợp vào những câu sau.

- Các từ cần điền: *cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô.*

- Mặt hồ ... gợn sóng.

- Sóng biển ... xô vào bờ.

- Sóng lượn ... trên mặt sông.

Bài 3: Đặt câu với mỗi từ sau: *cấp, ôm, bê, bung, đeo, vác.*

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 2

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa trong các câu sau:

a) Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ

Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi.

b) Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

c) Đây suối Lê-nin, kia núi Mác

Hai tay xây dựng một sơn hà.

d) Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông

Bài 2: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Bé bỏng, nhỏ con, bé con nhỏ nhắn.

a) Còn.....gì nữa mà nũng nịu.

b)lại đây chú bảo!

c) Thân hình.....

d) Ngườinhưng rất khỏe.

Bài 3: Ghi tiếng thích hợp có chứa âm: g/gh; ng/ngh vào đoạn văn sau:

 Gió bắc thật đáng ...ét

 Cái thân ...ày khô đét

 Chân tay dài ...êu...ao

Chỉ ...ây toàn chuyện dữ
Vật trụi xoan trước ..õ
Rồi lại ...é vào vườn
Xoay luống rau ...iêng...ả
Gió bắc toàn ...ịch ác
Nên ai cũng ...ại chơi.

Tiếng Việt 5- ĐỀ 3

Bài 1: Tìm các từ đồng nghĩa.

- a. Chỉ màu vàng.
- b. Chỉ màu hồng.
- c. Chỉ màu tím.

Bài 2: Đặt câu với một số từ ở bài tập 1.

Bài 3: Đặt câu với từ: xe lửa, tàu hoả, máy bay, tàu bay.

Xe lửa 8 giờ sáng vào Vinh rồi.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 4

Bài 1: Đặt câu với các từ:

- a) Cần cù.
- b) Tháo vát.

Bài 2: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm trong những câu sau: (các từ cần điền: *vẻ vang, quai, nghề, phần, làm*)

- a) Tay làm hàm nhai, tay... miệng trẻ.
- b) Có... thì mới có ăn,
- c) Không dung ai để mang... đến cho.
- d) Lao động là....
- g) Biết nhiều..., giỏi một....

Bài 3: (HSKG)

Em hãy dùng một số từ ngữ đã học, viết một đoạn văn ngắn từ 3 – 5 câu nói về một vấn đề do em tự chọn.

- GV đánh giá và nhận xét, tuyên dương bạn viết hay.

Ví dụ: Trong xã hội ta có rất nhiều ngành nghề khác nhau. Bác sĩ là những người thầy thuốc, họ thường làm trong các bệnh viện, luôn chăm sóc người bệnh. Giáo viên lại là những thầy, cô giáo làm việc trong các nhà trường, dạy dỗ các em để trở thành những công dân có ích cho đất nước. Còn công nhân thường làm việc trong các nhà máy. Họ sản xuất ra những máy móc, dụng cụ phục vụ cho lao động... Tất cả họ đều có chung một mục đích là phục vụ cho đất nước.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 5

Bài 1: Tìm từ trái nghĩa trong đoạn văn sau.

- a) Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay,
Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.
- b) Đòi ta gương vỡ lại lành
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.
- c) Đắng cay nay mới ngọt bùi
Đường đi muôn dặm đã ngời mai sau.
- d) Nơi hầm tối lại là nơi sáng nhất
Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam.

Bài 2: Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các câu tục ngữ sau.(gạch chân)

- Lá lành đùm lá rách.
- Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
- Chết đứng còn hơn sống quỳ.
- Chết vinh còn hơn sống nhục.
- Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

Bài 3. Tìm từ trái nghĩa với các từ: hiền từ, cao, dũng cảm, dài, vui vẻ, nhỏ bé, bình tĩnh, ngăn nắp, chậm chạp, sáng sủa, chăm chỉ, khôn ngoan, mới mẻ, xa xôi, rộng rãi, ngoan ngoãn...

Bài 4: Viết 1 đoạn văn tả cảnh 1 buổi sáng (trưa hoặc chiều) trên cánh đồng, trong vườn, làng xóm.

Tiếng Việt 5- ĐỀ 6

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa trong đoạn văn sau:

a) Đất nước ta giàu đẹp, non sông ta như gấm, như vóc, lịch sử dân tộc ta oanh liệt, vẻ vang. Bởi thế mỗi người dân Việt Nam yêu nước dù có đi xa quê hương, xứ sở tới tận chân trời, góc bể cũng vẫn luôn hướng về Tổ Quốc thân yêu với một niềm tự hào sâu sắc...

b) Không tự hào sao được! Những trang sử kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ oai hùng của dân tộc ta rờng rã trong suốt 30 năm gần đây còn ghi lại biết bao tấm gương chiến đấu dũng cảm, gan dạ của những con người Việt Nam anh dũng, tuyệt vời...

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ sau:

- a) Vui vẻ.
- b) Phấn khởi.
- c) Bao la.
- d) Bát ngát.
- g) Mênh mông.

Bài 3: Tìm từ trái nghĩa với các câu tục ngữ, thành ngữ sau:

- a) Gạn đục, khơi trong
- b) Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng
- c) Ba chìm bảy nổi, chín lênh đênh.
- d) Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 7

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa với từ :

Hoà bình

Bài 2: Đặt câu với mỗi từ tìm được ở bài tập 1.

Bài 3: Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 5 - 7 câu miêu tả cảnh thanh bình của quê em.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 8

Bài 1: Tìm từ đồng âm trong mỗi câu sau và cho biết nghĩa của mỗi từ.

- a. Bác(1) bác(2) trứng.
- b. Tôi(1) tôi(2) vôi.
- c. Bà ta đang la(1) con la(2).
- d. Mẹ tôi trút giá(1) vào rổ rồi để lên giá(2) bếp.
- e. Anh thanh niên hỏi giá(1) chiếc áo len treo trên giá(2).

Bài 2: Đặt câu để phân biệt từ đồng âm: **đỏ, lợi, mai, đánh.**

- | | |
|---------|----------|
| a. Đỏ: | b. Lợi: |
| c. Mai: | d. Đánh: |

Bài 3: Đọc em biết câu sau có viết có đúng ngữ pháp không?

Con ngựa đá con ngựa đá.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 9

Bài 1: Các câu sau đã sử dụng từ đồng âm nào để chơi chữ? Hãy gạch chân.

- a) Chín người ngồi ăn nôi cơm chín.
- b) Dừng vôi bác ý kiến của bác.
- c) Mẹ em đỡ xe lại mua cho em một nắm xôi đỡ.
- d) Bố tôi vừa mới tôi xong một xe vôi.

Bài 2: Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau: *đá, là, rải, đường, chiếu, cày*, đặt câu với mỗi từ đó và giải thích.

- a) *Đá* b) *Đường* c) *Là* d) *Chiếu* e) *Cày*

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 10

Bài 1: Mỗi câu dưới đây có mấy cách hiểu? Hãy diễn đạt cho rõ nghĩa trong từng cách hiểu (Có thể thêm từ)

- a) Mời các anh ngồi vào *bàn*.
b) Dem cá về kho.

Bài 2 : Từ *đi* trong các câu sau, câu nào mang nghĩa gốc, câu nào mang nghĩa chuyển ?

- a) Ca nô đi nhanh hơn thuyền.
b) Anh đi ô tô, còn tôi đi xe đạp.
c) Bà cụ ốm nặng đã đi từ hôm qua.
d) Thằng bé đã đến tuổi đi học.
e) Nó chạy còn tôi đi.
g) Anh đi con mã, còn tôi đi con tốt.
h) Ghế thấp quá, không đi với bàn được.

Bài 3: Thay thế từ *ăn* trong các câu sau bằng từ thích hợp :

- a) Tàu ăn hàng ở cảng.
b) Cậu làm thế để ăn đòn lăm.
c) Da bạn ăn phấn lăm.
d) Hồ dán không ăn giấy.
e) Hai màu này rất ăn nhau.
g) Rễ cây ăn qua chân tường.
h) Mảnh đất này ăn về xã bên.
k) Một đô la ăn mấy đồng Việt Nam?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 11

Bài 1: Chọn từ thích hợp: *dải lụa, thảm lúa, kì vĩ, thấp thoáng, trắng xoá, trùng điệp* điền vào chỗ chấm :

Từ đèo ngang nhìn về hướng nam, ta bắt gặp một khung cảnh thiên nhiên.... ; phía tây là dãy Trường Sơn....., phía đông nhìn ra biển cả, Ở giữa là một vùng đồng bằng bát ngát biếc xanh màu diệp lục. Sông Gianh, sông Nhật Lệ, những con sông như ...vắt ngang giữa...vàng rồi đổ ra biển cả. Biển thì suốt ngày tung bọtkì cọ cho hàng trăm mỏm đá nhấp nhô...dưới rừng dương.

Bài 2 : Đặt các câu với các từ ở bài 1

- + Kì vĩ
- + Trùng điệp
- + Dải lụa
- + Thảm lúa
- + Trắng xoá.
- + Thấp thoáng.

Bài 3 : (HSKG) : Đặt 4 câu với nghĩa chuyển của từ *ăn* ?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 12

Bài 1: Tìm các thành ngữ, tục ngữ, ca dao trong đó có những từ chỉ các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên?

Bài 2: Tìm các từ miêu tả không gian

- a) Tả chiều rộng:
- b) Tả chiều dài (xa):
- c) Tả chiều cao:
- d) Tả chiều sâu:

Bài 3 : Đặt câu với mỗi loại từ chọn tìm được ở bài tập 2.

- a) Từ chọn: bát ngát.
- b) Từ chọn: dài dằng dặc.

c) Từ chọn: vời vợi

d) Từ chọn: hun hút

Bài 4: Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các câu sau :

a) Mừng thâm trong bụng

b) Thất lung buộc bụng

c) Đau bụng

d) Đói bụng.

đ) Bụng mang dạ chứa.

g) Mở cò trong bụng.

h) Có gì nói ngay không để bụng.

i) Ăn no chắc bụng.

k) Sống để bụng, chết mang theo.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 13

Bài 1: Tìm đại từ chỉ ngôi trong đoạn văn sau và cho biết cách dùng đại từ xưng hô trong đoạn văn đối thoại đó cho em biết thái độ của Rùa và Thỏ đối với nhau ra sao?

“Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, một con rùa đang cố sức tập chạy. Một con thỏ trông thấy mĩa mai bảo Rùa rằng:

- Đồ chậm như sên! Mà mày cũng đòi tập chạy à?

Rùa đáp:

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn?

Thỏ vênh tai lên tự đắc :

- Được, được! Mày dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mày một nửa đường đó!”

Bài 2: Hãy tìm những đại từ và đại từ xưng hô để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau sao cho đúng:

a) Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy,... biết đó là con gà của nhà anh Bốn Linh. Tiếng ... đồng dục nhất xóm,... nhón chân bước từng bước oai vệ, ưỡn ngực ra đằng trước. Bị chó vện đuổi, ... bỏ chạy.”

b) “Một chú khỉ con cứ nhảy qua, nhảy lại lia lịa, chòn vòn trèo lên đồng bí ngô. Thấy ... đi qua, nghe răng khếch khếch, ngó ... rồi quay lại nhìn người chủ, dường như muốn bảo ... hỏi dùm tại sao ... lại không thả mỗi dây xích cổ ra để ... được tự do đi chơi như”

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 14

Bài 1: Dùng đại từ xưng hô để thay thế cho danh từ bị lặp lại trong đoạn văn dưới đây:

Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toàn nắm mơ chính tay mình bắt sống được Sài Thung, tên xứ hồng hách của nhà Nguyễn. Hoài Văn bắt được Sài Thung mà từ quan gia đến triều đình đều không ai biết, Hoài Văn trói Sài Thung lại, đập roi ngựa lên đầu Sài Thung và quát lớn:

- Sài Thung có dám đánh người nước Nam nữa không? Đừng có khinh người nước Nam nhỏ bé!

Bài 2: Tìm các danh từ trong đoạn văn sau:

Mới ngày nào em còn là học sinh lớp 1bở ngỡ, rụt rè khóc thút thít theo mẹ đến trường. Thế mà hôm nay, giờ phút chia tay mái trường thân yêu đã đến. Năm năm qua, mỗi góc sân, hàng cây, chỗ ngồi, ô cửa sổ đều gắn bó với em biết bao kỉ niệm.

Bài 3: Đặt 3 câu trong các danh từ vừa tìm được?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 15

Bài 1: Tìm các quan hệ từ trong các câu sau:

- Thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả lan toả nơi tầng rừng thấp, vươn ngọn xoè lá lán chiếm không gian.
- Bạn Hoa học tập rất chăm chỉ nhưng kết quả vẫn chưa cao.
- Em nói mãi mà bạn Lan vẫn không nghe theo.
- Bạn Hải mà lười học thì thế nào cũng nhận điểm kém.
- Câu chuyện của bạn Hà rất hấp dẫn vì Hà kể bằng tất cả tâm hồn mình.

Bài 2: Điền thêm các quan hệ từ vào chỗ chấm trong các câu sau:

- a) Trời bây giờ trong vắt thăm thăm ... cao.
- b) Một vầng trăng tròn to ...đỏ hồng hiện lên... chân trời sau rặng tre đen của làng xa.
- c) Trăng quầng ...hạn, trăng tán ...mưa.
- d) Trời đang nắng, cỏ gà trắng... mưa.
- e) Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng ...cũng có những người yêu tôi tha thiết, ...sao sức quyến rũ, nhớ thương cũng không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cọc cần này.

Bài 3: Tìm từ đúng trong các cặp từ in nghiêng sau:

- a) Tiếng suối chảy róc rách *nhu/ ở* lời hát của các cô sơn nữ.
- b) Mỗi người một việc: Mai cắm hoa, Hà lau bàn nghề, *và/ còn* rửa ấm chén.
- c) Tôi không buồn *mà/ và* còn thấy khoan khoái, dễ chịu.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 16

Bài 1: Viết dàn ý chi tiết tả một người thân của em.

Bài 2: Gạch chân quan hệ từ trong đoạn văn sau:

Mấy hôm trước, trời mưa lớn. Trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc...ở các bãi sông bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày chúng cãi cọ nhau om sòm, có khi chỉ vì tranh nhau một con tép mà có những anh cò vêu vào ngày ngày bị bõm lợi bùn tím cả chân mà vẫn héch mỏ, chẳng được con nào.

Bài 3: Chuyển câu đơn sau thành câu ghép có sử dụng quan hệ từ.

- a) Mưa đã ngớt. Trời tạnh dần.
- b) Thuý Kiều là chị. Em là Thuý Vân.
- c) Nam học giỏi toàn. Nam chăm chỉ giúp mẹ việc nhà.

Bài 4: Viết một đoạn văn ngắn tả ngoại hình người bạn thân của em, trong đó có sử dụng quan hệ từ:

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 17

Bài 1: Chọn câu trả lời đúng nhất:

- a) Là sự phân chia từ thành các loại nhỏ.
- b) Là các loại từ trong tiếng Việt.
- c) Là các loại từ có chung đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa khái quát(như DT, ĐT, TT).

Bài 2: Tìm DT, ĐT, TT trong đoạn văn sau:

Nắng rạng trên nông trường. Màu xanh mơn mớn của lúa óng lên cạnh màu xanh đậm như mực của những đám cỏ cao. Đó đây, Những mái ngói của nhà hội trường, nhà ăn, nhà máy nghiền cỏ... nở nụ cười tươi đỏ.

Bài 3: Đặt câu với các từ đã cho:

- a) Ngói
- b) Làng
- c) Mau.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 18

Bài tập 1:

Nối nghĩa các cụm từ ở cột A với cụm từ ở cột B sao cho tương ứng.

A	B
Khu bảo tồn thiên nhiên	Khu vực làm việc của nhà máy, xí nghiệp.
Khu dân cư	Khu vực trong đó các loài cây, con vật và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ, giữ gìn lâu dài
Khu sản xuất	Khu vực dành cho nhân dân ăn ở, sinh hoạt.

Bài tập 2:

H: Hãy viết một đoạn văn có nội dung nói về việc bảo vệ môi trường ở địa phương em đang sinh sống.

Ví dụ: Để thực hiện việc bảo vệ môi trường đúng với khẩu hiệu “Sạch làng tốt ruộng”. Vừa qua thôn em có tổ chức vệ sinh đường làng ngõ xóm. Từ sáng sớm tất cả mọi người trong làng đã có mặt đông đủ. Mọi người cùng nhau dọn vệ sinh đường làng. Người quét, người khơi thông cống rãnh, người hót rác. Mỗi người một việc, chẳng mấy chốc đường làng đã sạch sẽ. Ai nấy đều phấn khởi, vui mừng vì thấy đường làng sạch sẽ. Đó là góp phần làm cho quê hương thêm sạch, đẹp. Cũng chính là một biện pháp bảo vệ môi trường trong lành hơn.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 19

Bài 1: Tìm từ:

- a) Từ đồng nghĩa với từ **hạnh phúc**?
- b) Từ trái nghĩa với từ **hạnh phúc**?
- c) Đặt câu với từ **hạnh phúc**.

Bài 2: Theo em, trong các yếu tố dưới đây, yếu tố nào là quan trọng nhất để tạo một gia đình hạnh phúc.

- a) Giàu có.
- b) Con cái học giỏi.

c) Mọi người sống hoà thuận.

d) Bố mẹ có chức vụ cao.

Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn nói về chủ đề hạnh phúc.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 20

Bài tập 1 : Viết một đoạn văn tả các hoạt động của mẹ (hoặc chị) khi nấu cơm chiều ở gia đình.

Bài tập 2 : Tả hoạt động của một em bé mà em đã quan sát được bằng một đoạn văn.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 21

Bài 1: Đặt câu với mỗi từ sau đây:

a) *Nhân hậu.*

b) *Trung thực.*

c) *Dũng cảm.*

d) *Cần cù.*

Bài 2: Tìm những từ trái nghĩa với từ: *nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù.*

a) *Nhân hậu.*

b) *Trung thực.*

c) *Dũng cảm.*

d) *Cần cù.*

Bài tập 3: Với mỗi từ sau đây em hãy đặt 1 câu: đen, thâm, mun, huyền, mực.

a) Đen, b) Thâm, c) Mun, d) Huyền, đ) Mực.

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 22

Bài 1: Tìm cặp từ trái nghĩa trong các câu sau:

a) Có mới nới cũ.

b) Lên thác xuống gềnh.

c) Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay.

d) Miền Nam đi trước về sau.

e) Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba.

- GV cho HS giải thích ý nghĩa một số câu.

Bài 2: Tìm từ gần nghĩa với các từ: rét, nóng và đặt câu với 1 từ tìm được.

a) Rét.

b) Nóng.

Bài 3: Gạch chân những từ viết sai lỗi chính tả và viết lại cho đúng:

Ai thổi xáo gọi trâu đầu đó

Chiều in nghiêng chên mảng núi xa

Con trâu trắng giần đàn lên núi

Vĩnh đôi tai nghe tiếng sáo chở về

- chở: trở .

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 23

Bài 1: Điền vào chỗ trống d/r/gi trong đoạn thơ sau:

...òng sông qua trước cửa

Nước ...ì ...âm ngày đêm

...ó từ ...òng sông lên

Qua vườn em ..ào ...ạt.

Bài 2: Tìm các danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn sau:

Buổi sáng, biển rất đẹp. Nắng sớm tràn trên mặt biển. Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch. Những cánh buồm trắng trên biển được nắng sớm chiếu vào sáng rực lên như đàn bướm trắng lượn giữa trời xanh.

Bài 3: Tìm chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

a) Cô nắng xinh tươi đang lướt nhẹ trên cánh đồng.

b) Những lăng hoa hồng tươi tắn được đặt trên bàn.

Bài 4: Hình ảnh “Cô nắng xinh tươi” là hình ảnh so sánh, ẩn dụ hay nhân hóa? Hãy đặt 1 câu có dạng bài 3 phần a?

Tiếng Việt 5 - ĐỀ 24

Bài 1: Viết một đoạn văn trong đó có ít nhất một câu hỏi, một câu kể, một câu cảm, một câu khiến.

Bài 2: Tìm một đoạn văn hoặc một truyện ngắn trong đó có ít nhất một câu hỏi, một câu kể, một câu cảm, một câu khiến.

Ví dụ :

Vừa thấy mẹ về, Mai reo lên :

- A mẹ đã về! **(câu cảm)**

Vừa chạy ra đón mẹ, Mai vừa hỏi :

- Mẹ có mua cho con cây viết chì không? **(câu hỏi)**

Mẹ nhẹ nhàng nói :

- Mẹ đã mua cho con rồi. **(câu kể)**

Vừa đi vào nhà, mẹ vừa dặn Mai :

- Con nhớ giữ cẩn thận, đừng đánh mất. **(câu khiến)**

Mai ngoan ngoãn trả lời.

- Dạ, vâng ạ!

*Ví dụ: Một hôm trên đường đi học về, Lan và Tâm nhặt được một ví tiền. Khi mở ra thấy rất nhiều tiền, Tâm reo to:

- Ôi! Nhiều tiền quá.

Lan nói rằng:

- Chúng mình sẽ làm gì với số tiền lớn như thế này?

Tâm vừa đi, vừa thùng thảng nói :

- Chúng mình sẽ mang số tiền này đi nộp cho các chú công an!

Lan đồng ý với Tâm và cả hai cùng đi đến đồn công an.

Vừa về đến nhà Lan đã khoe ngay với mẹ:

- Mẹ ơi, hôm nay con với bạn Tâm nhặt được ví tiền và mang ngay đến đồn công an rồi.

Mẹ khen em ngoan, nhặt được của rơi biết đem trả người mất.